

Khó khăn trong xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số

Phạm Quang Hoan¹, Đặng Thị Hoa², Nguyễn Thị Song Hà³

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

² Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: danghoavdth@gmail.com

³ Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Nhận ngày 19 tháng 10 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 11 năm 2016.

Tóm tắt: Xây dựng nông thôn mới là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Đảng và Nhà nước xác định trong chương trình mục tiêu quốc gia đến năm 2020. Sau 5 năm triển khai thực hiện, chương trình đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, đối với các tỉnh miền núi nói chung, vùng miền núi phía Bắc nói riêng, chương trình xây dựng nông thôn mới còn đang gặp nhiều khó khăn. Một số phong tục tập quán lạc hậu đang gây trở ngại đến việc triển khai và thực hiện một số tiêu chí nông thôn mới, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của chương trình xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh miền núi.

Từ khóa: Nông thôn mới, khó khăn, xây dựng nông thôn mới, phong tục tập quán, dân tộc thiểu số.

Abstract: “New Rural Development” - the building of new rural areas - is one of the key tasks defined by the Vietnamese Party and State in the national target program toward 2020. The work has attained certain achievements after 5 years of implementation. However, for mountainous provinces in general and those in the north in particular, it is still facing many difficulties. Backward customs and habits in the localities have been hindering the realization of a number of criteria of the new rural areas, thus exerting negative impacts on the efficiency of the new rural construction programs in mountainous provinces.

Keywords: New rural areas, difficulties, new rural construction, customs and habits, ethnic minority groups.

1. Mở đầu

Trong tiến trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta đang triển khai thực hiện Chương trình xây dựng

nông thôn mới sâu rộng với mục tiêu góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam. Việc thực hiện chương trình này có những mặt thuận lợi và cũng có nhiều khó khăn, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Theo đánh giá kết quả thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, về cơ bản, các tiêu chí thực hiện xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ và đạt được những hiệu quả rõ nét. Ở một số địa phương, kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi đời sống của người dân cũng như các điều kiện về môi trường và cơ sở hạ tầng nông thôn. Tuy nhiên, có một số tiêu chí, đặc biệt là tiêu chí về môi trường, khó thực hiện và gặp nhiều trở ngại bởi những thói quen, phong tục tập quán lạc hậu của người dân ở vùng dân tộc thiểu số. Bài viết này phân tích những khó khăn trong xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay.

2. Khó khăn trong thực hiện tiêu chí về môi trường

Theo đánh giá tại Hội nghị tổng kết 5 năm xây dựng nông thôn mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tiêu chí môi trường khó thực hiện, nhất là đối với các xã vùng dân tộc thiểu số. Theo quy định, để đạt được tiêu chí về môi trường, phải hoàn thành 5 nội dung, gồm: tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 75%; 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; trên địa bàn xã không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp; nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch; chất thải rắn và nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 12 năm 2006 phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ

sinh nông thôn đến năm 2020, tất cả cư dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn 60 lít/ngày, phải đảm bảo các tiêu chí về vệ sinh môi trường nông thôn, như: không thả rông gia súc, chuồng trại gia súc, gia cầm phải được xây dựng cách nhà ở từ 15 m trở lên... Tuy nhiên, trên thực tế tiêu chuẩn về nước sạch và nguồn nước hợp vệ sinh ở vùng miền núi và dân tộc thiểu số đang là vấn đề đặt ra khi hầu hết người dân ở đây sử dụng nguồn nước tự nhiên mà chưa qua xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn về nước sạch. Do vậy, chỉ tiêu có tới 85% số hộ được sử dụng nguồn nước sạch là khó thực hiện. Ngoài ra, các tiêu chí về kiểm soát việc chăn thả gia súc tại gia đình, chống ô nhiễm, bảo vệ nguồn nước ngầm và giữ vệ sinh môi trường làng bản cũng gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Theo kết quả khảo sát thực địa tại 4 tỉnh miền núi phía Bắc (Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang, Hòa Bình) [5], do tập quán truyền thống và cũng do điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái của đồng bào các dân tộc thiểu số, nên hầu hết các hộ gia đình các dân tộc vẫn phải sử dụng nguồn nước chảy ra từ các mạch nước ngầm trong núi cho các sinh hoạt hàng ngày. Tại Lạng Sơn (tỉnh đã có nhiều cố gắng tập trung chỉ đạo thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới ở 207 xã) đến tháng 3 năm 2015, chưa có xã nào đạt tiêu chí về sử dụng nước sạch, trong đó, số xã đạt có tỷ lệ cao nhất các hộ gia đình dân tộc thiểu số được dùng nước sạch hay nước hợp vệ sinh mới chỉ đạt 50%.

Người dân tộc thiểu số có tỷ lệ dùng nước giếng cao nhất là người Sán Chay (95,5%), dân tộc Mường (87%). Người sử dụng nguồn nước ngầm từ các mỏ nước nhiều là dân tộc Tày (42,3%), Nùng

(55,5%). Riêng dân tộc Mông và Dao ở các huyện Mèo Vạc và Vị Xuyên của tỉnh Hà Giang chủ yếu chỉ dùng nước mưa và nước bề mặt của các con sông, suối hay các kênh tưới tiêu thủy lợi. Như vậy, trong điều kiện ở các xã miền núi có rất nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, điều kiện tự nhiên thì các thói quen sử dụng nguồn nước bề mặt ở một số dân tộc cần có những giải pháp khắc phục phù hợp trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Đối với các tiêu chí về sử dụng nguồn nước sạch của Bộ Y tế thì các nguồn nước hiện nay người dân đang sử dụng tại 4 tỉnh khảo sát phần lớn chưa đảm bảo được theo yêu cầu, nhất là đối với các địa phương người dân chủ yếu vẫn sử dụng nguồn nước mặt của các sông, suối trong sinh hoạt hàng ngày.

Tập quán chăn thả gia súc, gia cầm tự do là một trong những tập quán gây nhiều trở ngại trong việc thực hiện tiêu chí môi trường. Mặc dù đã có nhiều cuộc vận động người dân làm chuồng nuôi nhốt gia súc, gia cầm, nhưng tập quán chăn thả tự do vẫn còn ở một số tộc người, như Mông, Dao và Sán Chay.

Việc làm chuồng trại nuôi nhốt trâu, bò, lợn và các loại gia súc khác được nhiều địa phương vận động các hộ gia đình thực hiện. Tuy nhiên, theo quy định, chuồng trại gia súc, gia cầm phải được làm cách nhà ở ít nhất 15 m thì khó thực hiện. Ở một số địa phương bên cạnh khó khăn không có đất để làm chuồng trại, còn có khó khăn ở thói quen không cần dùng chuồng trại. Qua khảo sát thực tế cho thấy, có tới 35,6% số hộ có làm chuồng trại ở sát cạnh nhà, nhưng chỉ có 64,5% số hộ làm chuồng trại đúng theo quy định cách nhà 15 m trở lên. Về lý do không có chuồng trại để chăn nuôi, 19,8% số người được hỏi cho rằng

không có đất để làm chuồng; nhưng đáng chú ý là nhiều người dân vẫn có tâm lý sợ bị mất trộm (tâm lý này thể hiện rõ nhất ở các tỉnh như Hà Giang, Quảng Ninh). Đặc biệt là, có tới 41% số người được hỏi cho rằng, việc làm chuồng trại chăn nuôi là không cần thiết.

Những hạn chế trên đây là do tâm lý của nền sản xuất tự cung tự cấp, lệ thuộc vào tự nhiên vốn đã ăn sâu vào tâm thức của đồng bào các dân tộc thiểu số từ rất lâu đời và cho đến nay, tâm lý này vẫn rất khó khắc phục.

3. Khó khăn trong thực hiện tiêu chí về văn hóa, xã hội

Theo quy định tại điều 5, Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011, làng văn hóa hay bản văn hóa đạt chuẩn phải đáp ứng được nhiều quy định, trong đó, phải có 70% số hộ trong thôn bản thực hiện đúng các quy định liên quan đến các phong tục tập quán tộc người trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Trong đời sống sinh hoạt của đồng bào các dân tộc thiểu số, các phong tục, tập quán trong các nghi lễ tang ma, cưới hỏi, lễ hội còn khá phổ biến. Một số tập quán là tích cực, bảo tồn và phát huy được những giá trị bản sắc văn hóa của tộc người. Một số tập quán lại vẫn gây trở ngại trong cuộc sống hàng ngày của người dân (như: tổ chức đám cưới lớn, đám tang kéo dài nhiều ngày; chi phí cho ăn uống khá tốn; nhiều nghi lễ cúng ma đã trở nên không còn phù hợp). Sự khác biệt trong các quy định của nếp sống văn hóa mới và phong tục tập quán truyền thống dân tộc đang là những trở ngại lớn khi thực hiện tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Theo kết quả khảo sát thực tế tại 4 tỉnh ở miền núi phía Bắc cho thấy, hầu hết người dân đều mong muốn giữ lại những tập quán theo phong tục truyền thống. Trong nghi lễ hôn nhân và gia đình, mỗi tộc người có những bản sắc riêng và tuân theo những

phong tục tập quán riêng (Bảng 1). Tuy nhiên, những quy định của nếp sống văn hóa mới, như giảm tập quán thách cưới, giảm các lễ vật trong đám cưới hay giảm số lượng khách mời chưa được đồng bào các dân tộc thiểu số chấp nhận.

Bảng 1: Hình thức tổ chức đám cưới của gia đình [5]

	Số hộ tổ chức theo quy định của nếp sống văn hóa mới	Số hộ tổ chức theo phong tục dân tộc	Số hộ thực hiện theo hình thức khác	Tổng cộng
Tày	34 (44,7%)	30 (39,5%)	12 (15,8%)	76 (100%)
Nùng	39 (33,3%)	57 (48,7%)	21 (17,9%)	117 (100%)
Mường	186 (94,4%)	2 (1,0%)	9 (4,6%)	197 (100%)
Mông	0 (.0%)	73 (100%)	0 (.0%)	73 (100%)
Dao	104 (36,9%)	164 (58,2%)	14 (5,0%)	282 (100%)
Sán Chay	24 (72,7%)	4 (18,2%)	3 (9,1%)	31 (100%)

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy, ở dân tộc Mường và Sán Chay, tỷ lệ hộ gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo nếp sống văn hóa mới là cao nhất (94,4% và 72,7%). Một số tộc người chưa chấp nhận các nghi thức theo nếp sống văn hóa mới. Dân tộc Mông có 100% gia đình được hỏi thực hiện theo phong tục truyền thống. Ở một số tộc người đã có sự chuyển đổi, nhưng ý thích tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vẫn còn khá phổ biến (58,2% ở dân tộc Dao và 48,7% ở dân tộc Nùng).

Đối với nghi lễ trong đám tang, việc thực hiện các quy định trong tang lễ theo nếp sống mới hết sức khó khăn ở một số dân tộc thiểu số. Chẳng hạn, đối với người Mông, những tập quán trong tang lễ gần như là một hằng số rất khó thay đổi,

thêm nữa, mỗi dòng họ có những quy định riêng. Theo quan niệm của người Mông và một số tộc người khác ở miền núi phía Bắc, khi con người từ già cỗi đời, những người còn sống phải tổ chức lễ tang theo phong tục truyền thống để người chết được về với tổ tiên, thế giới thần linh của tộc người. Nếu không làm đầy đủ các bước, không thực hiện các kiêng kỵ theo phong tục tập quán thì hồn của người chết không thoát đi được mà quay trở về làm ảnh hưởng đến cuộc sống của những người thân trong gia đình. Do vậy, các bước trong nghi lễ tang ma luôn được thực hiện đầy đủ, mặc dù, trong bối cảnh hiện nay, những nghi lễ đó phần nào không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại.

Bảng 2: Hình thức tổ chức đám tang của hộ gia đình [5]

	Số hộ thực hiện theo quy định chỉ đề 24 tiếng	Số hộ thực hiện theo phong tục tập quán	Số hộ tổ chức theo hình thức khác	Tổng cộng
Tày	11 (14,5%)	64 (84,2%)	1 (1,3%)	76 (100%)
Nùng	14 (12,6%)	93 (83,8%)	4 (3,6%)	111 (100%)
Mường	191 (96,5%)	6 (3,0%)	1 (0,5%)	198 (100%)
Mông	0 (0%)	71 (97,3%)	2 (2,7%)	73 (100%)
Dao	80 (28,4%)	198 (70,2%)	4 (1,4%)	282 (100%)
Sán Chay	26 (86,4%)	4 (13,6%)	0 (0%)	28 (100%)

Thực tế cho thấy, mặc dù đã có những quy định của các tổ chức chính quyền ở cơ sở về việc tổ chức tang ma, nhưng hầu hết các hộ gia đình dân tộc thiểu số vẫn thực hiện các nghi lễ tang ma theo phong tục truyền thống (Bảng 2). Ở một số địa

phương, các cấp chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội đã có những tích cực trong công tác vận động, tuyên truyền người dân nhưng trong tâm thức của đồng bào các dân tộc, việc tổ chức tang ma theo nghi lễ truyền thống vẫn được coi trọng.

Bảng 3: Vị trí chôn cất người chết [5]

	Số hộ chôn ở nghĩa địa/ rừng ma theo quy định chung của làng bản	Số hộ chôn trong vườn	Số hộ chôn ở bìa rừng/ ngoài cánh đồng	Số hộ chôn ở nơi khác	Tổng cộng
Tày	4 (5,1%)	29 (37,2%)	24 (30,8%)	21 (26,9%)	78 (100%)
Nùng	3 (2,5%)	34 (28,6%)	48 (40,3%)	34 (28,6%)	119 (100%)
Mường	191 (95,5%)	8 (4,0%)	0 (0%)	1 (0,5%)	200 (100%)
Mông	5 (6,8%)	2 (2,7%)	14 (19,2%)	52 (71,2%)	73 (100%)
Dao	85 (30,1%)	13 (4,6%)	99 (35,1%)	85 (30,1%)	282 (100%)
Sán Chay	26 (83,5%)	1 (4,5%)	0 (0%)	4 (12,0%)	31 (100%)

Theo quy định trong tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nơi chôn cất người chết phải được quy hoạch tập trung tại các điểm như rừng ma, nghĩa địa chung của làng bản (Bảng 3). Ở một số tộc người thiểu số, vẫn còn khá phổ biến thói quen chôn cất người

chết trong vườn nhà, bìa rừng hay ở những nơi phù hợp với các kiêng kỵ của dòng họ, gia đình. Đặc biệt ở một số tộc người như Nùng, Dao, địa điểm chôn cất người chết thường ở các đám nương hoặc bìa rừng gần nhà. Riêng với tộc người Mông, địa

điểm chôn cất người chết phụ thuộc khá nhiều vào những kiêng kỵ, tín ngưỡng của dòng họ. Mỗi dòng họ lựa chọn các vị trí chôn cất khác nhau và không có vị trí làm nghĩa địa chung cho tất cả các dòng họ trong thôn bản. Do vậy, việc vận động đồng bào các dân tộc thiểu số chôn cất người chết vào một điểm quy định chung của làng bản là rất khó khăn và chưa được người dân ủng hộ.

Việc tổ chức các nghi lễ trong đám cưới, đám tang theo phong tục tập quán truyền thống đã và đang có những ảnh hưởng đáng kể đối với các hộ gia đình. Tuy nhiên, theo quan niệm của đồng bào các dân tộc thiểu số, dù phải mất nhiều chi phí cho đám cưới, đám tang thì vẫn phải chấp nhận vì họ không thể sống xa rời cộng đồng, không thể làm khác với các nghi lễ truyền thống của tộc người.

Bảng 4: Ảnh hưởng của các nghi lễ truyền thống tới kinh tế hộ gia đình [5]

	Số hộ vẫn như cũ/ không ảnh hưởng	Số hộ có nghèo hơn nhưng không đáng kể	Số hộ phải đi vay mượn của người thân/ ngân hàng	Số hộ phải đi vay nặng lãi	Số hộ phải giải quyết cách khác	Số hộ không biết	Tổng cộng
Tày	30 (38,5%)	22 (28,2%)	11 (14,1%)	0 (0%)	11 (14,1%)	4 (5,1%)	78 (100%)
Nùng	52 (43,7%)	29 (24,4%)	15 (12,6%)	0 (0%)	15 (12,6%)	8 (6,7%)	119 (100%)
Mường	191 (95,5%)	4 (2,0%)	0 (0%)	0 (0%)	3 (1,5%)	2 (1,0%)	200 (100%)
Mông	13 (18,1%)	30 (41,7%)	23 (31,9%)	0 (0%)	6 (8,3%)	0 (0%)	72 (100%)
Dao	155 (55,4%)	68 (24,3%)	41 (14,6%)	2 (0,7%)	6 (2,1%)	8 (2,9%)	280 (100%)
Sán Chay	19 (61,5%)	7 (22,3%)	5 (16,2%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	31 (100%)

Khảo sát 6 dân tộc ở 4 tỉnh cho thấy, riêng với dân tộc Mường không có nhiều trở ngại đối với kinh tế hộ gia đình khi tổ chức các nghi lễ đám cưới, đám tang (Bảng 4). Với một số dân tộc (như đối với người Mông, Dao, Tày và Nùng) thì việc tổ chức các nghi lễ này đã và đang có ảnh hưởng đáng kể tới kinh tế hộ gia đình. Đây cũng là những tộc người còn lưu giữ khá đậm nét các tập quán truyền thống trong việc tổ chức các nghi lễ cưới xin, tang ma. Với tộc người Mông, có tới 31,9% số hộ được hỏi cho rằng họ phải đi vay mượn để tổ chức các nghi lễ (đặc biệt ở người Dao

có một số hộ phải đi vay nặng lãi để tổ chức nghi lễ theo phong tục truyền thống).

4. Kết luận

Xây dựng nông thôn mới (đặc biệt đối với vùng dân tộc thiểu số) là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực của các cấp chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội từ trung ương tới cơ sở trong việc hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhưng ở vùng dân tộc thiểu số, một số tiêu chí rất khó hoàn

thành bởi những trở ngại trong phong tục tập quán tộc người. Bên cạnh những khó khăn về cơ sở hạ tầng, điều kiện kinh tế và phát triển sản xuất, các phong tục tập quán truyền thống của các tộc người thiểu số có khá nhiều trở ngại tới việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, cần có những giải pháp phù hợp trong chiến lược truyền thông, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số thay đổi phong tục tập quán, thực hiện các quy định trong xây dựng nếp sống mới ở các làng bản. Tuy nhiên, cũng cần xây dựng các tiêu chí phù hợp hơn với từng tộc người, từng địa phương để vừa đảm bảo được các yêu cầu trong cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, vừa giữ gìn được bản sắc văn hóa đặc trưng của tộc người và điều hết sức quan trọng là, để nhận được sự ủng hộ, đồng thuận của phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số, để phong trào thực sự có ý nghĩa và trở thành động lực thiết thực trong xây dựng đời sống văn hóa mới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch (2011), *Thông tư số 12/2011/TT-BVNTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011, quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa, bản văn hóa*, Hà Nội.
- [2] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2016), *Báo cáo triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020*, Hà Nội.
- [3] Hoàng Văn Hoan (2014), *Xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Vũ Văn Phúc (Chủ biên) (2012), *Xây dựng nông thôn mới: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Ủy ban Dân tộc (2016), *Kết quả khảo sát 4 tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang, Hòa Bình về phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc đến hiệu quả xây dựng nông thôn mới*, Hà Nội.
- [6] Trần Minh Yên (2013), *Xây dựng nông thôn mới: Khảo sát và đánh giá*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.